TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 421/2022/KDTM-ST
Ngày: 07-04-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Anh Vũ

2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Lân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 3 và 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2022/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1423/2022/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH X

Địa chỉ: A đường số G, xã P, huyện N, Tp .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc A, sinh năm 1981; địa chỉ: I H, phường T, Quận G, Tp ..

2. Bị đơn: Công ty TNHH L (tên cũ: Công ty TNHH S)

Địa chỉ: Tòa nhà P, Lầu A, Phòng 18-01, E Đ, Phường B, quận B, Tp ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tan Kok K; địa chỉ: H N, phường B, Quận A, Tp ..

(Ông Ngọc A có mặt; ông Tan Kok K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH X trình bày:

Công ty TNHH X (sau đây gọi là Công ty X) là Nhà thầu phụ có cung cấp dịch vụ vệ sinh công trường, thi công các hạng mục phụ trợ cho Công ty TNHH

L (tên cũ: Công ty TNHH S, sau đây gọi là Công ty L) tại dự án D1mension 608 V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty X đã hoàn thành công việc, xuất hai hóa đơn tài chính cho Công ty L với tổng giá trị là 174.733.969 đồng nhưng đến nay chưa được thanh toán. Trong đó:

- Hạng mục vệ sinh công trường: Công ty X cung cấp dịch vụ vệ sinh công trường từ tháng 4/2017 đến hết tháng 6/2018. Các đợt thanh toán từ tháng 4/2017 đến hết tháng 5/2018 thì Công ty L đã thanh toán đủ. Riêng tiền dịch vụ vệ sinh tháng 6/2018 theo hóa đơn số 0000053 ngày 20/7/2018, số tiền 118.743.969 đồng thì Công ty L chưa thanh toán;

- Thi công các hạng mục phụ trợ: Công ty X đã xuất hóa đơn số 0000022 ngày 28/8/2017 số tiền 55.990.000 đồng.

Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty L thanh toán số tiền gồm:

- Tiền cung ứng dịch vụ vệ sinh của hai hóa đơn 0000053 ngày 20/7/2018 và 0000022 ngày 28/8/2017 với tổng giá trị là 174.733.969 đồng;

- Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1%/tháng là 141.870.409 đồng.

Bị đơn - Công ty L mặc dù đã được Toà án tống đạt giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vẫn không cử đại diện đến Tòa, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ, bị đơn có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 38, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ

tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Toà án tống đạt giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vẫn không cử đại diện đến Tòa, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty X đòi bị đơn Công ty L trả số tiền thực hiện dịch vụ 174.733.969 đồng, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

[3.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và chứng cứ có trong hồ sơ gồm các hóa đơn giá trị gia tăng, chi tiết giao dịch tài khoản khách hàng, thông báo đòi nợ, bảng tổng hợp công nợ, có cơ sở xác định giữa Công ty X và Công ty L (tên cũ là Công ty TNHH S) có giao kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh công trường, thi công các hạng mục phụ trợ tại Dự án D1mension F V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 4/2017 đến hết tháng 5/2018, tuy nhiên, Công ty L chỉ mới thanh toán được một số kỳ hóa đơn, còn nợ tiền của 02 kỳ hóa đơn là: 0000022 ngày 28/8/2017 số tiền 55.990.000 đồng và 0000053 ngày 20/7/2018 số tiền 118.743.969 đồng, tổng cộng 174.733.969 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 85 của Luật Thương mại thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của Công ty X đòi Công ty L trả số tiền lãi 141.870.409 đồng được tính theo mức lãi suất nợ quá hạn 12%/năm, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nguyên đơn tính lãi theo mức lãi suất 12%/năm là phù hợp với mức lãi suất quá hạn trung bình được quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Do đó, Công ty L phải trả tiền lãi cho Công ty X tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/4/2022 như sau:

- Hóa đơn 0000022 ngày 28/8/2017: 55.990.000 đồng x 12%/năm x 56,1 tháng = 52.350.650 đồng;

- Hóa đơn 0000053 ngày 20/7/2018: 118.743.969 đồng x 12%/năm x 45,23 tháng = 89.519.759 đồng.

Tổng cộng tiền lãi phải trả là 141.870.409 đồng.

Như vậy, Công ty L phải trả cho Công ty X tổng số tiền là 316.604.378 đồng, trong đó, gồm tiền dịch vụ còn nợ 174.733.969 đồng và tiền lãi 141.870.409 đồng.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 316.604.378 đồng x 5% = 15.830.218 đồng.

Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 35, khoản 3 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 85, 306 của Luật Thương mại;

- Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH L phải trả cho Công ty TNHH X tổng số tiền là 316.604.378 (*Ba trăm mười sáu triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn ba trăm bảy mươi tám*) đồng, trong đó gồm: Tiền dịch vụ còn nợ của hai hóa đơn 0000022 ngày 28/8/2017 và 0000053 ngày 20/7/2018 là 174.733.969 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28/3/2022 là 141.870.409 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH X, nếu Công ty TNHH L không chịu thanh toán số tiền nói trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Công ty TNHH L phải chịu án phí là 15.830.218 đồng.

Công ty TNHH X được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.816.000 (*Bốn triệu tám trăm mười sáu ngàn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0005995 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án sơ thẩm xử công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Chi cục THADS Q. BTh, TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hường